

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST

Ngày 01/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải

Ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân V (tên gọi khác: Đào Văn V), sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 7/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Đào Văn M, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1951.

Vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2000.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 01/2011/HSST ngày 06/01/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 năm tù, về tội: “Giết người” theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án phúc thẩm số 131/2011/HSPT ngày 24/3/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2011/HSST ngày 06/01/2011, xử phạt 17 năm tù, về tội: “Giết người”, theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2023, chưa thi hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Nhân thân: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại

ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn L, xã A, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Duy S và bà Lê Thị H(đều đã chết).

Vợ Ngô Thị T, sinh năm 1977 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Quyết định số 166/QĐ-XPVPHC ngày 07/12/2006 của Công an Huyện Quỳnh Phụ phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 15/12/2006.

- Bản án số 31/2007/HSST ngày 10/8/2007 của Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội: “Đánh bạc”, thử thách 12 tháng, 50.000 đồng án phí, thi hành xong án phí vào tháng 11/2007.

- Bản án số 41/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 03 tháng 09 ngày tù, về tội: “Đánh bạc”, phạt bổ sung 4.000.000 đồng, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bản án số 77/2011/HSPT ngày 25/10/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình sửa hình phạt chính của bản án sơ thẩm số 41/2011/HSST, xử phạt 10 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 06/10/2012, chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí vào tháng 12/2011.

- Bản án số 88/2014/HSST ngày 24/10/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 01 năm tù, về tội: “Đánh bạc”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; chấp hành xong án phạt tù ngày 03/7/2015, thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 30/7/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2023, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hữu R, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 7/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Hữu R và bà Nguyễn Thị Ri (đều đã chết).

Vợ Phạm Thị D, sinh năm 1981; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự.

- Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 18/3/2011 của Công an Huyện Quỳnh Phụ phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 21/3/2011.

- Bản án số 36/2015/HSST ngày 07/4/2015 của Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ, xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, về tội: “Đánh bạc”, phạt bổ sung 4.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí; chấp hành xong hình phạt chính ngày 12/5/2017, xong án phí và hình phạt bổ sung tháng 3/2020.

- Quyết định số 331/QĐ-XPVPHC ngày 14/01/2020 của Ủy ban nhân dân Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 9.000.000 đồng về hành vi chứa bạc và đánh bạc, thi hành xong ngày 17/01/2020.

- Quyết định số 151/QĐ-XPHC ngày 30/7/2021 của Công an Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 30/7/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2023, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn H (tên gọi khác: Bùi Đình T), sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Bùi Đình B và bà Bùi Thị M(đều đã chết).

Vợ Đào Thị Q, sinh năm 1982; Có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Quyết định số 316/QĐ-XPHC ngày 14/9/2009 của Công an Huyện Quỳnh Phụ phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 15/9/2009.

- Quyết định số 111/QĐ-XPVPHC ngày 20/5/2010 của Công an Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thi hành xong ngày 21/5/2010.

- Quyết định số 98/QĐ ngày 04/7/2010 của Phòng cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về trật T xã hội, Công an tỉnh Thái Bình phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (hiện không có hồ sơ lưu trữ tại phòng lưu trữ Công an tỉnh Thái Bình).

- Bản án số 41/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 03 năm tù, về tội: “Đánh bạc”, phạt bổ sung 25.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự. Bản án số 52/HSPT ngày 27/9/2019 của

TAND tỉnh Thái Bình, sửa bản án sơ thẩm số 41/2019/HSST xử phạt 02 năm tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 27/4/2021, thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí vào tháng 10/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 (được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng và Huy chương kháng chiến hạng Nhì) và bà Bùi Thị V(đã chết).

Vợ Đào Thị Th, sinh năm 1995; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 39/2011/HSST ngày 17/11/2011 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tuyên phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội: “Đánh bạc” theo Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, thời gian thử thách 12 tháng, phạt bổ sung 3.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự. Thi hành xong án phí, hình phạt bổ sung vào tháng 7/2012, chấp hành xong hành phạt chính ngày 17/11/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Tiến L, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Tiến L (đã chết) và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1963.

Vợ Trịnh Thị Th1, sinh năm 1998; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 61/QĐ-VPHC ngày 16/01/2014 của Công an Huyện Quỳnh Phụ xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thi hành xong quyết định ngày 06/5/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại

ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1972

Nơi thường trú: Phòng abc, khu TT H2A, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 11/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942(ông R được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba).

Vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Thanh D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Bùi Xuân T, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1960 (ông T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng).

Vợ Phan Thị T, sinh năm 1980. Có 02 con: Con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự.

Bị tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Văn Tr1, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn L, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975.

Vợ Lê Thị P, sinh năm 1996; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy

bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động T do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị P, sinh năm 1948 (ông N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng).

Vợ Lưu Thị B, sinh năm 1991; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Chị Lê Thị P, sinh năm 1996 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết, trưa ngày 29/10/2023, các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Mạnh T1 và Nguyễn Duy T lần lượt đến nhà Phạm Văn Tr1 chơi. Khoảng 13 giờ 30 phút, đang ngồi ở phòng khách uống nước, mọi người nảy sinh ý định đánh bạc nên cùng rủ nhau xuống bếp nhà Phạm Văn Tr1 chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Phạm Văn Tr1 đồng ý xuống bếp lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ đặt ở giữa nền để mọi người sử dụng làm công cụ đánh bạc rồi đi lên phòng khách. R thấy bộ bài tú lơ khơ, chiếc kéo kim loại trên bàn bếp, cầm lên cắt 01 lá bài chất rô thành 04 quân vị hình tròn có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi quân vị khoảng 01cm. Tất cả thống nhất mỗi người chơi cho Phạm Văn Tr1 100.000 đồng để phục vụ chè thuốc, dọn dẹp. Vị trí ngồi đánh bạc theo chiều quay kim đồng hồ thứ T từ cửa vào đầu tiên là V tiếp đến là T1, Nguyễn Văn Tr, T, R, L. V là người đầu tiên cầm cái. Cách chơi và tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: Mỗi quân vị có hai mặt, một mặt màu đỏ (chất rô) là mặt ngựa, mặt còn lại hoa văn là mặt sấp. V đặt 04 quân vị lên mặt đĩa, úp bát lại, dùng hai tay cầm xóc nhiều lần rồi đặt xuống nền. Những người chơi dùng tiền cược cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo suy đoán của mình, số tiền cược cửa chẵn hoặc lẻ cũng tùy thuộc vào mỗi người, thấp nhất 50.000 đồng, cao nhất 500.000 đồng. Khi tất cả người chơi đặt cược tiền xong V hoặc một trong số người chơi mở bát. Nếu số quân vị trên đĩa có 4 quân vị hoặc 2 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngựa thì ván bạc đó chẵn, người cược tiền cửa chẵn trước

khi mở bát thắng. Ngược lại, nếu có 01 quân vị hoặc 03 quân vị cùng sắp hoặc cùng ngửa thì ván bạc đó lẽ, người cược tiền cửa lẽ trước khi mở bát thắng. Số tiền thắng thua đúng bằng số tiền người chơi đã cược. Kết thúc ván bạc, V thu tiền của người thua trả người thắng, thiếu thì V phải bỏ tiền của mình ra để trả, thắng thì được hưởng. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 14 giờ thì Bùi Văn H vào ngồi giữa T1 và Nguyễn Văn Tr, tham gia đánh bạc với cách thức, mức độ sát phạt như trên. Ít phút sau, thấy Phạm Văn Tr1 đi vào, V bảo T1, H, Nguyễn Văn Tr, T, R, L mỗi người bỏ ra 100.000 đồng cho Phạm Văn Tr1. V cầm số tiền 600.000 đồng đưa Phạm Văn Tr1. Nhận tiền, Phạm Văn Tr1 đứng xem một lúc rồi ra ngoài. R đánh bạc đến 15 giờ 30 phút, thua hết tiền đi về. 10 phút sau, Nguyễn Tiến Đ đến thấy có người đánh bạc ở bếp nên vào ngồi xem. Lúc sau, V dừng chơi ra ngồi ở phía sau Nguyễn Văn Tr. Do có quen biết nên T1 bảo Đ ngồi thế chỗ của V xóc cái giúp mọi người tiếp tục đánh bạc. Đ đồng ý. Mọi người tiếp tục đánh bạc được 15 phút thì Bùi Thanh D đến vào ngồi giữa H và Nguyễn Văn Tr đánh bạc cùng mọi người. V ngồi xem đánh bạc khi thấy Phạm Văn Tr1 vào liền bảo D nộp cho Tr1 100.000 đồng. Nhận tiền, Phạm Văn Tr1 ngồi xuống cạnh V xem. T đánh bạc đến 16 giờ 30 phút thua hết tiền đi về. Các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an Huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn chất rô, 01 kéo kim loại, số tiền 1.200.000 đồng. Quản lý trên người các đối tượng số tiền 6.940.000 đồng. Ngày 30/10/2023, R và T đến Công an Huyện Quỳnh Phụ khai báo hành vi đánh bạc.

Số tiền đánh bạc từng bị cáo như sau: Đào Xuân V khai số tiền đánh bạc 1.100.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 1.600.000 đồng; Nguyễn Mạnh T1 khai số tiền đánh bạc 2.200.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 2.700.000 đồng; Nguyễn Văn Tr khai số tiền đánh bạc 1.200.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 1.700.000 đồng; Nguyễn Tiến L khai số tiền đánh bạc 1.100.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người; Nguyễn Hữu R khai số tiền đánh bạc khoảng 900.000 đồng, thua hết về trước; Nguyễn Duy T khai số tiền đánh bạc khoảng 800.000 đồng, thua hết về trước; Bùi Văn H khai số tiền đánh bạc khoảng 700.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 400.000 đồng; Bùi Thanh D khai số tiền đánh bạc khoảng 265.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 200.000 đồng; Nguyễn Tiến Đ khai mang theo người 200.000 đồng không sử dụng đánh bạc; Phạm Văn Tr1 khai không trực tiếp đánh bạc, do nể nang và muốn thu lợi bất chính đã cầm bát, đĩa sứ để các bị cáo đánh bạc tại bếp nhà thuộc quyền sở hữu, được V đưa cho số tiền 700.000 đồng (của H, Nguyễn Văn Tr, T1, R, T, L, D), đã sử dụng mua chè thuốc, đồ ăn hết 560.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người 140.000 đồng. Ngày 12/01/2024, Phạm Văn Tr1 đã nộp lại số tiền 560.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quỳnh Phụ. Thời điểm xảy ra vụ án chỉ có Phạm Văn Tr1 ở nhà; không có người cầm cố tài sản, giúp sức canh coi, cảnh giới cho việc đánh bạc; không còn ai khác tham gia

đánh bạc về trước hoặc bỏ trốn đến nay chưa bị phát hiện, xử lý. Ngoài V khai thắng bạc 500.000 đồng, R và T khai thua hết tiền dùng chơi trước, những người còn lại đều không xác định được chính xác số tiền mang theo, thắng thua vì khi bị phát hiện còn tiền dưới nền bếp, toàn bộ số tiền thu và bị quản lý trên người là tiền dùng đánh bạc. Như vậy, xác định tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 8.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 14/CT-VKSQP ngày 16/01/2024 đã truy tố các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ, về tội: “*Đánh bạc*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Xuân V từ 16 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án và trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu R từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 13 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến ngày 01/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 09 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L từ 09 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T1 từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thanh D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T và Bùi Văn H mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T1, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Tiến L cho Ủy ban nhân dân xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Tiến L được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ngoài ra, còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về vật chứng, tài sản liên quan và án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ không có ý kiến tranh luận với nhau và với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Đào Xuân V không đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xác định bị cáo còn tiền án và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với bị cáo V: Tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 06/01/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 năm tù, về tội: “Giết người”, theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án phúc thẩm số 131/2011/HSPT ngày 24/3/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2011/HSST ngày 06/01/2011, xử phạt 17 năm tù, về tội: “Giết người”, theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2023, chưa thi hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự. Như vậy, xác định bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Hình sự thì thời gian để xóa án tích là 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính nhưng đến ngày 29/10/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội: “Đánh bạc” nên bị cáo chưa được xóa án tích, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự: “1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý” như vậy Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Đối với hình phạt bổ sung các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc với động cơ, mục đích, thu lợi bất chính, được thua bằng tiền nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo là phù hợp đúng pháp luật.

Các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an Hện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn

Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; sơ đồ hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Quỳnh Phụ lập hồi 17 giờ; 20 giờ 35 phút; 21 giờ 35 phút; 22 giờ 05 phút; 22 giờ 16 phút; 22 giờ 26 phút; 22 giờ 37 phút; 22 giờ 48 phút; 23 giờ 01 phút; 23 giờ 11 phút, ngày 29/10/2023 tại nhà Phạm Văn Tr1, sinh năm 1993, ở Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản xác minh và trích lục sơ đồ thửa đất nơi xảy ra vụ án; Sơ đồ vị trí ngôi đánh bạc các bị can T mô tả; Kết luận giám định số 1657/KL-KTHS ngày 16/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định 8.140.000 đồng (51 tờ tiền) quản lý, thu giữ khi bắt quả tang là tiền thật; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng chị Lê Thị P cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ ngày 29/10/2023, tại nhà bếp thuộc quyền quản lý của Phạm Văn Tr1 ở Thôn T, xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình, Đào Xuân V(Đào Văn V), Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H (Bùi Đình T), Bùi Thanh D, Nguyễn Tiến Đ cùng thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, bị Công an Huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc 8.500.000 đồng. Trong đó, Đào Xuân V là người cầm cái, Nguyễn Hữu R cắt quân vị cùng các bị cáo Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D đồng phạm thực hành. Nguyễn Tiến Đ không đặt cược nhưng xóc cái giúp các bị cáo đánh bạc; Phạm Văn Tr1 sử dụng nhà bếp thuộc quyền quản lý, cầm bát, đĩa sứ để các bị cáo đánh bạc, thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng nên đồng phạm giúp sức đánh bạc. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ đã phạm vào tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo

không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ: Đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy cần phải xét xử các bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời là bài học răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, không có người khởi xướng, tổ chức, canh coi, các bị cáo cùng nhau thống nhất việc đánh bạc được thua bằng tiền. Tuy nhiên, khi xem xét áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, cụ thể:

- Đối với bị cáo Đào Xuân V là người trực tiếp cầm cái từ đầu đến lúc bị cáo Nguyễn Tiến Đ vào chơi thì bị cáo dừng chơi, bị cáo sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc với các bị cáo khác nên bị cáo xếp vai trò đầu vụ. Ngoài ra, bị cáo có 01 tiền án nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Vai trò tiếp theo là các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Hữu R, Bùi Văn H có nhân thân rất xấu đã nhiều lần bị xử lý hành chính và bị xét xử về cùng hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội đánh bạc với số tiền tương đương nhau khoảng từ 700.000 đồng đến 900.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng đối với bị cáo Nguyễn Hữu R có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tiếp đến là vai trò của bị cáo Nguyễn Văn Tr đã bị xét xử về hành vi đánh bạc và bị cáo Nguyễn Tiến L đã bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng thời gian xử lý đã lâu đã được xóa án tích và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, các bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân các bị cáo đã sử dụng số tiền đánh bạc tương

đương nhau từ 1.100.000 đồng đến 1.200.000 đồng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn Tr có bố đẻ là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Sau đó là bị cáo Nguyễn Mạnh T1 sử dụng số tiền 2.200.000 đồng vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo khác tuy nhiên cũng là số tiền không lớn, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn các bị cáo khác. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Vai trò sau cùng là các bị cáo: Phạm Văn Tr1 sử dụng nhà ở cho các bị cáo chơi bạc và thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng, bị cáo Bùi Thanh D sử dụng số tiền 265.000 để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Tiến Đ tham gia cầm cái giúp sức cho các bị cáo đánh bạc nhưng không thu lợi bất chính. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó: Bị cáo Bùi Thanh D có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Tiến Đ có bố đẻ là người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Từ những đánh giá, nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo; Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước để các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội; Đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T1, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Tuy nhiên, cần áp dụng

mức hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T1 cao hơn các bị cáo Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng*”. Các bị cáo tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với động cơ, mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Tiến L như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ là phù hợp. Đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T1, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[3] Về vật chứng và tài sản liên quan: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 7.940.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền 560.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Văn Tr1 cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 200.000 đồng quản lý của Nguyễn Tiến Đ, số tiền này bị cáo Đ không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 kéo kim loại, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn thu tại nhà bị cáo Phạm Văn Tr1 là công cụ dùng vào việc phạm tội có đặc điểm như biên bản giao nhận giữa Công an Huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quỳnh Phụ ngày 12/01/2024 cần tịch thu, tiêu hủy.

[4] Trong vụ án này: Bị cáo Phạm Văn Tr1 đã sử dụng nhà bếp của gia đình làm địa điểm cho các bị cáo đánh bạc thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn L, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (bố, mẹ đẻ bị cáo Phạm Văn Tr1). Quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa xác định thời điểm xảy ra vụ án ông L, bà D đang làm ăn, sinh sống ở B và Đ. Chị Lê Thị P (vợ bị cáo Phạm Văn Tr1) về ở quê ngoại ở tỉnh Thanh Hóa, không biết bị cáo Tr1 cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà. Trước đó, chị P cũng không được ai hỏi hoặc bàn bạc cho mượn nhà để làm địa điểm đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Quỳnh Phụ đã không xử lý là đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đào Xuân V(Đào Văn V), Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H(Bùi Đình T), Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ phạm tội: “*Đánh bạc*”.

2. Áp dụng pháp luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đào Xuân V(Đào Văn V): 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến 01/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T: 01 (một) năm 01 (một) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu R: 10 (mười) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Văn H(Bùi Đình T): 10 (mười) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/10/2023 đến 01/11/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tr: 09 (chín) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01 (một) năm 06 (sáu) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2024).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến L: 09 (chín) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01 (một) năm 06 (sáu) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2024).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh T1: 30.000.000 (ba mươi triệu)** đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Văn Tr1: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu)** đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Thanh D: 20.000.000 (hai mươi triệu)** đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến Đ: 20.000.000 (hai mươi triệu)** đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T và Bùi Văn H mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Tiến L được hưởng án treo: Giao bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Tiến L cho Ủy ban nhân dân xã Q, Huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.940.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và 560.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Văn Tr1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Quỳnh Phụ theo biên lai số 0003055 ngày 12/01/2024.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tiến Đ số tiền 200.000 đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 kéo kim loại, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn công cụ dùng vào việc phạm tội có đặc điểm như biên bản giao nhận giữa Công an Huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quỳnh Phụ ngày 19/01/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đào Xuân V, Nguyễn Mạnh T1, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Hữu R, Nguyễn Duy T, Bùi Văn H, Bùi Thanh D, Phạm Văn Tr1 và Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/3/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND Huyện Quỳnh Phụ;
- THADS Huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an Huyện Quỳnh Phụ;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành